TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **46**/2019/HNGĐ-ST
Ngày 03 tháng 10 năm 2019
V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Diệu**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thiều Hoàng Mới
2. Ông Hứa Văn Khương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách *tham gia phiên tòa:* Ông Lâm Thanh Dũng, Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 275/2019/TLST-HNGĐ, ngày 02/7/2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/8/2019, và Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Thị T**, địa chỉ: ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

2. Bị đơn: **Ung Hoàng T1**, địa chỉ: ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 28/6/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày:

Giữa nguyên đơn với bị đơn là ông Ung Hoàng T1 tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994, không có đăng ký kết hôn. Hai người có 02 con chung là Ung Hoàng T2 sinh năm 1995 và Ung Bá T3 sinh năm 1997. Quá trình chung sống do không cùng quan điểm, tính tình không phù hợp, thời gian gần đây do ông T1 không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình, nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cự cãi và xúc phạm nhau; hiện đang sống ly thân nhau đã hơn 09 tháng nay. Nay bà T yêu cầu ly hôn ông T1; về con chung đã trưởng thành và tự lập được cuộc sống nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là ông Ung Hoàng T1, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho ông T1 nhưng ông T1 không có ý kiến trả lời, cũng không đến Tòa án để cung cấp lời khai.

Ý kiến của Viện Kiểm sát:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông T1; đối với các con chung đã trưởng thành và sống tự lập được nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] Ông Ung Hoàng T1 là bị đơn trong vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án, theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân, giữa bà Nguyễn Thị T với ông Ung Hoàng T1 thuộc trường hợp nam, nữ tổ chức cuộc sống chung và coi nhau là vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, nên về nguyên tắc không được pháp luật công nhận là vợ chồng, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân này là không hợp pháp. Từ việc hôn nhân được xem là không hợp pháp nên khi có yêu cầu ly hôn, Tòa án không xem xét mâu thuẫn của các bên để khuyến khích hòa giải đoàn tụ, hàn gắn; chỉ xem xét giải quyết các tranh chấp về nuôi con chung và tài sản chung nếu có, theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này"*.

Theo quy định này và trên cơ sở đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Bà T và ông T1 có 02 con chung nhưng tất cả đã thành niên và tự lập được cuộc sống, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông T1 không có yêu cầu phản tố, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228; các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 14; 51; 53 và 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án ly hôn và được giải quyết như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị T và ông Ung Hoàng T1.

- *Về con chung:* Có 02 cháu là Ung Hoàng T2 và Ung Bá T3 đều đã trên tuổi thành niên và tự lập được cuộc sống, đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00086xx ngày 01/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (để BC);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Diệu